

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ P
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2019/HNGĐ-ST
Ngày 18-6-2019
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Thanh Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Tô Thị Lành.
2. Ông Lương Văn Kiên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Thủy Sơn Phương - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Trong ngày 18 tháng 6 năm 2019 tại Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 878/2018/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2018 về việc “*Ly hôn và tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Anh D, sinh năm 1973.
Địa chỉ: 268 T, tổ 08, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai.
Có mặt.
2. *Bị đơn:* Bà Lê Thị Bích H, sinh năm 1980.
Địa chỉ: 268 T, tổ 08, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai.
Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện ngày 21-12-2018, bản tự khai ngày 26-12-2018 và tại phiên tòa, nguyên đơn là ông Nguyễn Anh D trình bày:

Ông và bà Lê Thị Bích H tự nguyện tìm hiểu và quyết định tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai ngày 25-4-2003.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau. Thời gian gần đây, cả hai phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng luôn cãi vã, bất đồng quan điểm sống. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình, bạn bè hòa giải nhiều lần nhưng không

thành, làm cho cuộc sống luôn căng thẳng. Hiện tại không ai còn quan tâm, chăm sóc cho ai, phần người nào chỉ biết bốn phận người đó, đời sống chung không thể hòa hợp. Vì vậy, ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà H.

Ông và bà H có hai con chung là cháu Nguyễn Thanh H1, sinh ngày 14-6-2004 và cháu Nguyễn Lê Thanh H2, sinh ngày 03-4-2008. Ly hôn, theo nguyện vọng của các con, ông đồng ý giao hai con chung cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và ông cấp dưỡng cho con mỗi tháng 4.000.000 đồng/cháu cho đến khi hai con thành niên. Trong trường hợp, bà H không nuôi con thì ông sẽ nhận nuôi hai con chung.

Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và thanh toán nghĩa vụ chung.

2. Tại bản tự khai ngày 11-01-2019 và các phiên hòa giải, bị đơn là bà Lê Thị Bích H trình bày:

Bà và ông Nguyễn Anh D tự nguyện tìm hiểu và quyết định đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai ngày 25-4-2003.

Hôn nhân giữa bà và ông D là hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng cũng hạnh phúc, nhưng về sau thì cả hai phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do ông D không quan tâm chăm lo đến vợ con, không cùng bà xây dựng hạnh phúc và kinh tế gia đình mà còn có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Bản thân bà cũng đã nhiều lần khuyên can và tha thứ nhưng ông D không thay đổi nên làm cho cuộc sống vợ chồng luôn căng thẳng. Hiện tại, bà không còn tình cảm yêu thương ông D nhưng bà muốn các con lớn lên trong sự nuôi dưỡng, chăm sóc của cả hai vợ chồng nên bà không đồng ý ly hôn với ông D.

Bà và ông D có hai con chung là cháu Nguyễn Thanh H1, sinh ngày 14-6-2004 và cháu Nguyễn Lê Thanh H2, sinh ngày 03-4-2008. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn, bà có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con cho đến khi các con thành niên. Bà đồng ý với mức cấp dưỡng mà ông D đề nghị là 4.000.000 đồng/cháu/tháng.

Bà yêu cầu Tòa án tạo điều kiện để bà có thời gian làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án chia tài sản chung của vợ chồng theo quy định của pháp luật. Bà sẽ làm Đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án chia tài sản chung của bà và ông D trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày 09/4/2019, nếu đến hết ngày 24/4/2019 mà bà không nộp đơn khởi kiện về chia tài sản chung thì xem như bà từ bỏ yêu cầu chia tài sản của mình và Tòa án chỉ giải quyết về quan hệ hôn nhân và giải quyết về nuôi con sau khi ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quyền khởi kiện và thẩm quyền giải quyết: Ông Nguyễn Anh D làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai giải quyết ly hôn với bà Lê Thị Bích H. Về nội dung và hình thức đơn khởi kiện của ông Nguyễn Anh D

đúng quy định tại Điều 189 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được Tòa án thụ lý. Bà Lê Thị Bích H cư trú tại thành phố P nên Tòa án nhân dân thành phố P có thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn là bà Lê Thị Bích H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ để bị đơn tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng bị đơn vắng mặt nên theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Anh D và bà Lê Thị Bích H tự nguyện tìm hiểu và quyết định tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai ngày 25-4-2003 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống, ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn, ông bà không yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, người nào chỉ biết bòn phận người đó, ông bà đã sống ly thân từ năm 2010 đến nay. Mặc dù, đã được hai bên gia đình nhắc nhở, hòa giải nhiều lần nhưng ông bà vẫn tiếp tục sống ly thân và bỏ mặc nhau. Bà Lê Thị Bích H khai rằng bà không còn tình cảm yêu thương ông D nhưng bà muốn các con lớn lên trong sự nuôi dưỡng, chăm sóc của cả hai vợ chồng nên bà không đồng ý ly hôn với ông D.

Chính vì vậy, đã có đủ cơ sở để nhận định rằng, tình trạng hôn nhân của họ đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, quan hệ vợ chồng đã thực sự không thể hàn gắn được nữa, mục đích của hôn nhân là xây dựng một gia đình hoà thuận, hạnh phúc không đạt được nên yêu cầu của ông D về việc ly hôn bà H là có căn cứ, được chấp nhận.

[3] Về con và cấp dưỡng cho con: Ông D và bà H có hai con chung là cháu Nguyễn Thanh H1, sinh ngày 14-6-2004 và cháu Nguyễn Lê Thanh H2, sinh ngày 03-4-2008.

Ông D chấp nhận giao hai con chung cho bà H trực tiếp chăm nom, nuôi dưỡng, giáo dục và ông D cấp dưỡng cho con mỗi tháng 4.000.000 đồng/cháu; đồng thời, tại đơn trình bày nguyện vọng đề ngày 21-12-2018, cháu Nguyễn Thanh H1 và cháu Nguyễn Lê Thanh H2 có nguyện vọng được ở với bà H khi cha mẹ ly hôn. Xét thấy, từ nhỏ cho đến nay các cháu ở với bà H, được chăm sóc, nuôi dạy chu đáo, bà H có công việc và thu nhập ổn định nên đủ khả năng, điều kiện để nuôi dưỡng các con, đảm bảo được cuộc sống và sự phát triển bình thường về mọi mặt cho các con; nguyện vọng của các đương sự và các cháu là chính đáng, đúng pháp luật, đảm bảo quyền lợi của các con vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận giao hai con chung cho bà H tiếp tục trực tiếp chăm nom, nuôi dưỡng và giáo dục; ông D cấp dưỡng cho con mỗi tháng 4.000.000 đồng/cháu, việc cấp dưỡng được ông D thực hiện từ ngày 18 tháng 6 năm 2019 cho đến khi các cháu thành niên, đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[5] Về án phí: Ông D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn và án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con định kỳ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 85, 110 và 116 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 5 và khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Anh D; ông Nguyễn Anh D được ly hôn bà Lê Thị Bích H.

2. Giao cháu Nguyễn Thanh H1, sinh ngày 14-6-2004 và cháu Nguyễn Lê Thanh H2, sinh ngày 03-4-2008 cho bà Lê Thị Bích H trực tiếp chăm nom, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi thành niên hoặc đã thành niên mà mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về cấp dưỡng cho con: Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Anh D về việc cấp dưỡng cho cháu Nguyễn Thanh H1 và cháu Nguyễn Lê Thanh H2 mỗi tháng 4.000.000 đồng/cháu; việc cấp dưỡng được ông Nguyễn Anh D thực hiện từ ngày 18 tháng 6 năm 2019 cho đến khi các cháu thành niên, đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án

theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Ông Nguyễn Anh D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con định kỳ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0004427 ngày 26-12-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Gia Lai; ông Nguyễn Anh D còn phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông Nguyễn Anh D có quyền kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Riêng bà Lê Thị Bích H vắng mặt tại phiên tòa, nên bà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết công khai.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố P;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P;
- Các đương sự;
- UBND phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai (GCNKH số 48 ngày 25-4-2003);
- Lưu hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Cao Thị Thanh Huyền